TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1513/2018/QĐST-DS	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 77/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2018 và Quyết định nhập vụ án số 386/2018/QĐST-DS ngày 03/4/2018 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản",

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 21/4E P, Phường Q, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đinh Ca L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ liên hệ: 932 T, Phường Y, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số công chứng 002081, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/02/2017 tại Văn phòng Công chứng số 5, Quận Gò Vấp).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 237/84/49 P, Phường Q, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 532 P, Phường Q, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 69/8A P, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 258 P, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 262 P, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của: Bà Huỳnh Ngọc S, ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn B, bà Phạm Thị T là ông Nguyễn Thái H có nơi cư trú trên (Văn bản ủy quyền của bà S số công chứng 19664, quyển số 1, ngày 04/10/2018 và Văn bản ủy quyền của ông B số công chứng 15337, của bà T số công chứng 15440, của ông H số công chứng 15439 cùng quyển số 7, cùng ngày 27/7/2018, cùng Văn phòng công chứng Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh).

5/ Bà Huỳnh Kim T, sinh năm 1956.

Địa chỉ: 238C, khu vực W, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tất cả các đương sự nêu trên đều thống nhất cách giải quyết vụ án, phân chia di sản của ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị N theo pháp luật thừa kế của ông Lơ và theo di chúc của bà N như sau:

[1] Ông Nguyễn Thái H được quyền sở hữu toàn bộ nhà, đất căn nhà số 24/1 (số mới 237/84/49) P, Phường Q, quận G có diện tích xây dựng 64.45m^2 trên phần đất có diện tích 82.85m^2 đất (Theo GCNQSHNỞ&QSDĐ số 14912/2003 của UBND quận Gò Vấp cấp cho ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị N ngày 04/11/2003).

[2] Thửa đất có diện tích 696m^2 đất thuộc thửa 870, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại Phường 12 (nay là Phường 14), quận Gò Vấp đã được UBND quận Gò Vấp cấp GCNQSDĐ số 00842/QSDĐ/1 ngày 09/10/2002 cho ông Nguyễn Văn L. Sau đó thửa đất này được tách ra:

[2.1] Tách ra 460,6m^2 đất cho ông Nguyễn Thái H (ông H là người đại diện cho những người thừa kế) đứng tên GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH01657 ngày 19/10/2010 của UBND quận Gò Vấp;

[2.2] Tách ra 123,90m^2 đất cho bà Nguyễn Thị M theo GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH01657 ngày 19/10/2010 của UBND quận Gò Vấp;

[2.3] Phần diện tích còn lại của thửa 870 nêu trên thì bà Nguyễn Thị M đang quản lý, sử dụng.

Ông Nguyễn Thái H và bà Nguyễn Thị M đồng ý phân chia lại thửa đất 870 nêu trên theo bản đồ hiện trạng vị trí của Công ty TNHH Tư vấn - Thiết kế, Xây dựng Đời Mới đo đạc ngày 19/10/2018 như sau:

Theo bản đồ hiện trạng vị trí thì thửa 870 diện tích đất còn lại thực tế là 595,3m^2 đất và theo bản vẽ thì thửa đất này được phân ra làm hai phần (có ký hiệu phần 2 và phần 3): Ông Hùng nhận quản lý, sử dụng cho cá nhân ông phần đất có ký hiệu là "Phần 2" với diện tích theo hiện trạng là 335,10m^2 đất (ông Hùng có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH01657 ngày 19/10/2010 của UBND quận Gò Vấp, nêu trên).

Bà Nguyễn Thị M nhận phần đất có ký hiệu là "Phần 3" với diện tích theo hiện trạng là 260,20m^2 đất (bà M có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH01657 ngày 19/10/2010 và GCNQSDĐ số 00842/QSDĐ/1 ngày 09/10/2002 của UBND quận Gò Vấp, nêu trên).

[3] Phần diện tích 239,8m^2 đất còn lại thuộc thửa 847, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại Phường 14, quận Gò Vấp đã được UBND quận Gò Vấp cấp GCNQSDĐ số 00671/QSDĐ/1 ngày 17/01/2001 cho ông Nguyễn Văn L; thửa đất này đã được phân chia cho bà Huỳnh Ngọc S, ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn B, bà Phạm Thị T, bà Huỳnh Kim T và những người này đã được cấp GCNQSDĐ và sau đó đã chuyển nhượng lại cho những người khác, các bên đã giải quyết xong.

[4] Đối với thửa đất có diện tích tổng cộng 668m^2, gồm: Thửa 1028 có diện tích 200m^2 đất (Theo GCNQSDĐ số 486/QSDĐ/1B ngày 27/12/2002) và thửa 438-1 có diện tích 434m^2 và thửa 439-1 có diện tích 34m^2 (Theo GCNQSDĐ số 3463/QSDĐ ngày 31/5/2004) thuộc tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại đường Đăng Thúc Vịnh, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn đã được UBND huyện Hóc Môn cấp cho ông Nguyễn Văn Lơ vào các ngày nêu trên. Theo bản đồ hiện trạng vị trí của Công ty TNHH Tư vấn - Thiết kế, Xây dựng Đời Mới ngày 19/10/2018 thì các thửa đất trên được phân chia ra làm 3 phần (phần A, phần B và phần C), các bên thống nhất phân chia như sau:

* Ông Nguyễn Thái H nhận phần A có diện tích 298.60m^2 đất (gồm thửa 1028 theo GCNQSDĐ số 486/QSDĐ ngày 27/12/2002 và một phần diện tích đất theo GCNQSDĐ số 3463/QSDĐ ngày 31/5/2004 của UBND huyện Hóc Môn).

* Ông Nguyễn Thái H đại diện bà Huỳnh Ngọc S, ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn B và bà Phạm Thị T nhận phần B có diện tích 153.80m^2 đất (một phần diện tích đất theo GCNQSDĐ số 3463/QSDĐ ngày 31/5/2004 của UBND huyện Hóc Môn).

* Bà Nguyễn Thị M nhận phần C có diện tích 215,80m^2 đất (một phần diện tích đất theo GCNQSDĐ số 3463/QSDĐ ngày 31/5/2004 của UBND huyện Hóc Môn).

Ông Nguyễn Thái H và bà Nguyễn Thị M; và ông H đại diện cho bà Huỳnh Ngọc S, ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn B và bà Phạm Thị T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập lại quyền sử dụng đất đối với các phần đất đã được chia nêu trên và tự chịu trách nhiệm thanh toán các lệ phí trước bạ, tiền thuế đất và các khoản phí khác (nếu có).

Ngay sau khi ông Hùng đại diện cho bà S, ông H, ông B và bà T được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ (nhận phần B có diện tích 153.80m^2 đất) nêu trên, thì ông H phải chuyển nhượng thửa đất này cho người khác và thanh

toán cho bà Nguyễn Thị M số tiền 1.152.450.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

[5] Bà Phạm Thị T thừa nhận: Bà đã nhận đủ phần di sản mà bà được hưởng, trong đó có 150.000.000 đồng của ông H thanh toán cho bà, bà không có ý kiến gì.

[6] Chí phí đo vẽ và các chi phí khác các bên tự chịu và đã thực hiện xong.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

* Ông Nguyễn Thái H chịu 11.643.375 đồng và được khấu trừ vào số tiền ông H đã đóng tạm ứng án phí 21.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0016546 ngày 29/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò vấp; hoàn trả lại cho ông H 9.356.625 đồng (Chín triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

* Bà Nguyễn Thị Mchịu 11.643.375 đồng và được khấu trừ vào số tiền bà M đã đóng tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0033668 ngày 02/3/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chi minh; bà M còn phải nộp 11.343.375 đồng (Mười một triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

[8] Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Chí Cao